| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THỊ XÃ VĨNH CHÂU**<br>**TỈNH SÓC TRĂNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 30/01/2023
*V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Dương Chiêu Hùng.
- ***Các Hội thẩm nhân dân:*** Ông Triệu Khánh Long
Ông Thái Trung Nghĩa
- ***Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Đình Hưng - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:*** Ông Âu Hoàng Mến - Kiểm sát viên.

Ngày 30/01/2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm, công khai vụ án dân sự thụ lý số: 163/2022/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 10 năm 2022, về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 93/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/12/2022 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Lâm Thị H, sinh năm 1998; Địa chỉ: ấp T, xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (có đơn xin xét xử vắng mặt)

- *Bị đơn*: Anh Dương Hoàng T, sinh năm 1999; Địa chỉ: ấp K, xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. (vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/6/2022 (BL01) biên bản ghi lời khai ngày 15/11/2022 (BL32) cũng như quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Lâm Thị H trình bày:* Vào năm 2018, chị Lâm Thị H kết hôn với anh Dương Hoàng T có tổ chức lễ cưới theo phong tục và có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng cấp ngày 12/02/2019. Sau ngày cưới chị H với anh T chung sống tại nhà cha mẹ chị H ở xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Thời gian đầu hai người sống với nhau hạnh phúc nhưng dần dần phát hiện anh T không có trách nhiệm với vợ con nên đã xảy ra mâu thuẫn và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không giải tỏa được và hai người đã ly thân từ tháng 3 năm 2021 cho đến nay.

Trong thời gian chung sống với nhau chị H và anh T đã có với nhau 01 người con chung tên Dương Minh T1 (Nam) sinh ngày 21/06/2019 hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Về nợ chung: Không có. Về tài sản chung: 01 chiếc xe mô tô hiệu Exciter, biển số ( không nhớ ) Giấy đăng ký xe do ông Dương Hoàng T đứng tên. Hiện chiếc xe này anh T đang quản lý, đến ngày 15/11/2022 (BL32) chị H trình bày đối với tài sản chung để vợ tự thỏa thuận phân chia không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nay chị H nhận thấy tình cảm vợ chồng rạn nứt, không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được do đó yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị H được ly hôn với anh Dương Hoàng T. Về con chung: Chị H yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Dương Minh T1 (Nam) sinh ngày 21/06/2019, không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con. Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia với nhau không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh T, nhưng anh T không có văn bản gửi đến Tòa án để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của chị H, đồng thời anh T cũng không đến tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như tham gia phiên tòa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự. Từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật, quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Tòa án giải quyết chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T; về con chung: giao con chung Dương Minh T1, sinh ngày 21/6/2019 (nam) cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T phải thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét; Về nợ chung: Chị H khẳng định nợ chung không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ Giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai cho anh T, nhưng anh T vẫn vắng mặt không có lý do, chị H có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, Điều 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt chị H và anh T theo quy định của pháp luật.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 27/6/2022 chị Lâm Thị H yêu cầu được ly hôn với anh Dương Hoàng T có nơi cư trú tại ấp K, xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu, thụ lý, giải quyết theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Xét yêu cầu khởi kiện của chị Lâm Thị H, nhận thấy chị H và anh T tự nguyện sống chung với nhau năm 2018, đến năm 2019 có đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thị xã VC, tỉnh Sóc Trăng và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/02/2019 Quan hệ hôn nhân của chị H và anh T không vi phạm các điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Nhưng sau một thời gian chung sống thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân chính là do T tình vợ chồng không còn hòa hợp với nhau thường hay xảy ra mâu thuẫn cải vã nhau. Chị H nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, không còn tình cảm vợ cH với anh T nên có nguyện vọng ly hôn. Chị H và anh T đã không còn chung sống với nhau khoảng từ khoảng tháng 3 năm 2021 cho đến nay từ đó cho thấy tình trạng hôn nhân giữa các bên trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị H được ly hôn với anh T.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống với nhau chị H và anh T có 01 con chung tên Dương Minh T1, sinh ngày 21/6/2019 (nam) hiện đang do chị H nuôi dưỡng. Chị H yêu cầu được nuôi con và không yêu cầu anh T thực hiện cấp dưỡng nuôi con. Để đảm bảo cuộc sống của cháu T1 không bị xáo trộn, để cháu phát triển bình thường về tâm, sinh lý nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao cháu Dương Minh T1, sinh ngày 21/6/2019 (nam) cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi. Xét thấy, chị H hiện có việc làm, thu nhập ổn định, đảm bảo đủ điều kiện nuôi con nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] Về tài sản chung: Chị H khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về nợ chung: Chị H khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[7] Từ những phân tích nêu trên, xét yêu cầu của nguyên đơn, đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Vĩnh Châu là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Án phí sơ thẩm: Chị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 244; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228; Điều 238; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 280 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83, Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Lâm Thị H đối với bị đơn anh Dương Hoàng T.

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Lâm Thị H được ly hôn với anh Dương Hoàng T.

- Về con chung: Giao con chung Dương Minh T1, sinh ngày 21/6/2019 (nam) cho chị Lâm Thị H trực tiếp nuôi dưỡng đến khi cháu T1 đủ 18 tuổi.

Anh Dương Hoàng T không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Anh T không được lạm dụng việc thăm nom con chung để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Dương Minh T1 của chị Lâm Thị H thì chị H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom.

- Về tài sản chung: Chị H khẳng định tự thỏa thuận phân chia với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Chị H khẳng định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

**2/** Về án phí sơ thẩm: Chị Lâm Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị H đã nộp 975.000 đồng (chín trăm bảy mươi lăm nghìn đồng), theo Biên lai số 0004409, ngày 07/10/2022 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Như vậy, chị H được nhận lại số tiền còn thừa 675.000 đồng (sáu trăm bảy mươi lăm nghìn đồng) tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Vĩnh Châu, tỉnh Sóc Trăng. Anh Dương Hoàng T không phải chịu án phí sơ thẩm.

3/ Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ, để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử lại theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh ST (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thị xã VC;
- Đương sự;
- Chi cục THADS thị xã VC;
- UBND xã Đ;
- Lưu HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(đã ký)**

**Dương Chiêu Hùng**